

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5647**/UBND-CN
V/v triển khai thực hiện Kế
hoạch số 71-KH/TU ngày
03/7/2018 của Tỉnh ủy

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 7 năm 2018

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 03/7/2018 của Tỉnh ủy về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (đính kèm theo), UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ tình hình thực tế, xây dựng, tham mưu UBND tỉnh kế hoạch thực hiện Kế hoạch, Nghị quyết nêu trên, đảm bảo phù hợp, hiệu quả. Thời gian **trong tháng 8/2018**.

2. Giao các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Kế hoạch, Nghị quyết nêu trên, phù hợp với tình hình thực tế địa phương, đơn vị.

Nhận được Công văn này, Thủ trưởng các đơn vị liên quan phối hợp triển khai thực hiện./.TM

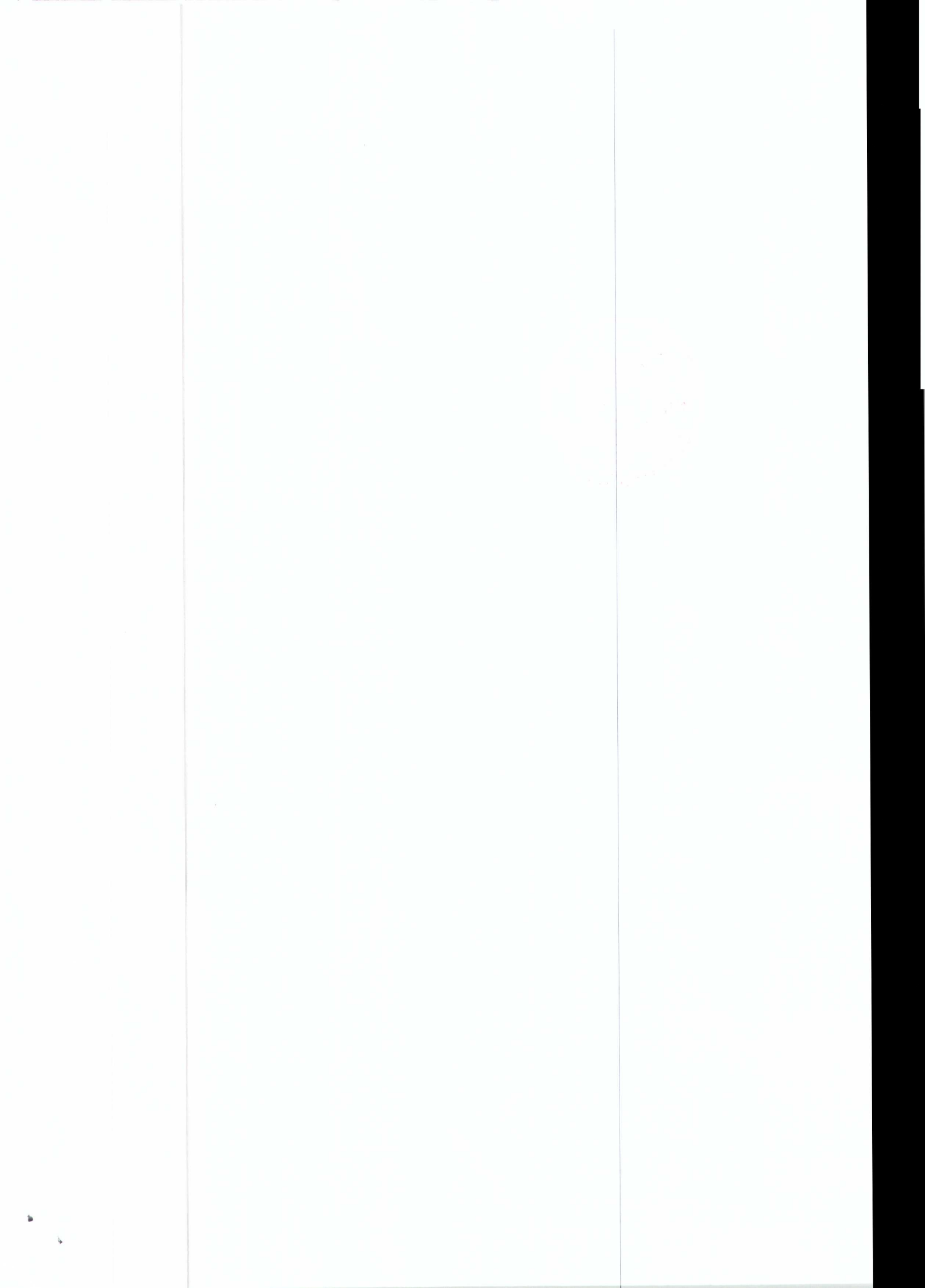
Nơi nhận:

- Như trên;
- Tỉnh ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các Phòng: TH, HCTC (QC45a);
- Lưu VT, CN (HvC.44).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Ninh



KẾ HOẠCH

thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 5895

ĐẾN U4 -17- 2018

Chuyển:

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-TW, ngày 22/3/2018 của Bộ chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị đến cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân. Nâng cao nhận thức và quyết tâm hành động thống nhất trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường. Tập trung ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế như: Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, dược phẩm, công nghiệp cơ khí, công nghiệp điện (điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối), sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp hỗ trợ.

2. Yêu cầu

- Nhận thức đúng đắn, bám sát quan điểm chỉ đạo và nội dung Nghị quyết trong quá trình triển khai thực hiện. Việc triển khai Nghị quyết phải được thực hiện nghiêm túc, cụ thể hóa định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn ở tỉnh và phát huy yếu tố liên kết vùng.

- Các chính sách phát triển ngành công nghiệp phải được xây dựng bao quát ở mọi nhân tố, đảm bảo những yếu tố cốt yếu của chính sách, đặc biệt là phải đảm bảo nguồn lực thực hiện và đạt hiệu quả cao, phù hợp quy luật khách quan và chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Phân đầu đến năm 2030, tỉnh Đắk Lắk cùng với cả nước cơ bản hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; có ngành công nghiệp năng lượng xanh quy mô lớn trong nước và lớn nhất khu vực Tây Nguyên; một số sản phẩm công nghiệp chế biến có sức cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nước và từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Tầm nhìn đến năm 2045, tỉnh Đắk Lắk cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp phát triển hiện đại; đạt khá trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên và đứng đầu khu vực Tây Nguyên.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phân đầu đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt trên 38%; trong đó, tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 26%.

- Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 40%.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân từ 12,5%/năm trở lên; trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đạt bình quân trên 14%/năm.

- Tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp đạt bình quân trên 8,5%/năm.

- Chỉ số hiệu suất cạnh tranh công nghiệp đứng đầu khu vực Tây Nguyên.

- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ đạt trên 62%.

- Mở rộng, khai thác hiệu quả khu công nghiệp Hoà Phú, khu công nghiệp Phú Xuân, huyện Cư M'gar và các cụm công nghiệp; hình thành thêm một số khu, cụm công nghiệp phù hợp với điều kiện, đặc điểm tình hình các địa phương trên địa bàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phân bố không gian và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp

- Thu hút vốn đầu tư xã hội hóa vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tranh thủ các nguồn vốn từ Trung ương, địa phương, đầu tư cơ bản hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Từng bước giải quyết nhu cầu nhà ở và các hạ tầng xã hội thiết yếu như nhà trẻ, mẫu

giáo, trường học, cơ sở khám chữa bệnh cho người lao động tại các khu, cụm công nghiệp.

Đến năm 2030, tập trung hầu hết các dự án công nghiệp đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp. Tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp đạt trên 80%, giá trị sản xuất đóng góp trên 30% trong giá trị sản xuất công nghiệp. Hình thành các trục phát triển công nghiệp, các trung tâm công nghiệp theo vùng trên cơ sở các tuyến giao thông và 3 vùng lãnh thổ của tỉnh, gắn với lợi thế và nguồn lực của từng vùng để ưu tiên phát triển.

- Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, dần trở thành vai trò động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng xoay quanh phục vụ sản xuất nông nghiệp: Tập trung phát triển các nhóm ngành công nghiệp chủ đạo, có lợi thế về nguồn nguyên liệu, khả năng sản xuất hàng hóa lớn, mang lại hiệu quả kinh tế cao, đặc biệt là công nghiệp chế biến các sản phẩm của ngành nông nghiệp; chú trọng chế biến sâu và bảo quản sau thu hoạch theo hướng hiện đại. Tập trung phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo phục vụ nông nghiệp nông thôn, tưới tiêu, sửa chữa máy móc thiết bị nông nghiệp; chuyển dịch công nghiệp năng lượng từ thủy điện sang điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối. Hình thành, phát triển công nghiệp điện tử - tin học phục vụ yêu cầu kinh tế - xã hội địa phương.

2. Chính sách phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên

Xây dựng các chính sách khuyến khích, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, công nghiệp chế tạo phục vụ nông nghiệp và công nghiệp năng lượng xanh. Cụ thể đến năm 2030:

- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tập trung phát triển các ngành công nghiệp tiềm năng ưu tiên gồm: Chế biến cà phê, cao su, hồ tiêu, ca cao, bơ, sắn, đường, dược liệu, thức ăn gia súc, cơ khí; sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu phục vụ xây dựng trong nước và xuất khẩu; sản xuất vật liệu xây dựng không nung, gạch ốp lát; công nghiệp dệt may; công nghiệp da giày và một số ngành công nghệ cao. Trong đó, đến năm 2020, ưu tiên tập trung phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm gồm: Chế biến cà phê, chế biến cao su, chế biến hồ tiêu, chế biến ca cao, chế biến bơ, chế biến dược liệu; cơ khí lắp ráp, chế tạo, sửa chữa; sản xuất điện gió và điện mặt trời.

- Ngành công nghiệp năng lượng, thu hút đầu tư các dự án với tổng công suất: Điện mặt trời đạt khoảng 7.750 MW (quy hoạch 12.900 MW); điện gió khoảng 800 MW (quy hoạch 1.383 MW) và điện sinh khối khoảng 100 MW (quy hoạch 112,5 MW).

3. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình số 18-CTr/TU, ngày 04/10/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, ổn định cho phát triển công nghiệp.

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, trong đó nâng cao chất lượng phục vụ thực hiện “cơ chế một cửa”, mở rộng số lượng và chất lượng thực hiện cơ chế một cửa liên thông. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, đơn giản, minh bạch hóa thủ tục hành chính. Tăng cường trách nhiệm của cơ quan chức năng trong việc giải quyết các yêu cầu của doanh nghiệp. Tăng cường tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

- Đảm bảo ổn định chính trị, kinh tế tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp. Đẩy mạnh tín dụng hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp có giá trị gia tăng cao, các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp tạo nhiều việc làm cho lao động.

- Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính, tín dụng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã, các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Áp dụng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn trong ngành công nghiệp phù hợp để bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng. Tổ chức hướng dẫn các doanh nghiệp công nghiệp tham gia có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, chống các hành vi độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh. Phát triển các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại, thực hiện có hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm công nghiệp.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, đảm bảo môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh.

4. Chính sách phát triển doanh nghiệp công nghiệp

- Triển khai có hiệu quả Chương trình số 17-CTr/TU, ngày 04/10/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phát triển các doanh nghiệp tư nhân thực sự trở thành động lực quan trọng cho phát triển công nghiệp của tỉnh.

- Triển khai tốt các chính sách nâng cao năng lực công nghệ, quản trị cho các doanh nghiệp công nghiệp; khuyến khích, hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn, các tập đoàn kinh tế thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp hỗ trợ, các doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp; hỗ trợ phát triển các nhà cung ứng trong các ngành công nghiệp ưu tiên.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, điện tử - tin học, năng lượng tái tạo, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ “cao, mới, sạch, tiết kiệm”, sử dụng nhiều nguyên liệu của tỉnh, phụ kiện trong nước, sử dụng nhiều lao động địa phương, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực tại chỗ, liên doanh, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Tiếp tục bổ sung định hướng và danh mục dự án thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, đồng thời đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

5. Chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghiệp

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển nhân lực công nghiệp, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, yêu cầu trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Sắp xếp, cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo của tỉnh nhằm từng bước tạo nguồn nhân lực công nghiệp có khả năng tiếp cận các công nghệ sản xuất mới. Triển khai mô hình đào tạo về khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học, ngoại ngữ, tin học ngay từ chương trình giáo dục phổ thông. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực công nghệ cao, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động công nghiệp. Thu hút nhân tài có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao, có năng lực đổi mới sáng tạo.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh và tinh thần trách nhiệm đối với quốc gia, dân tộc, địa phương. Hình thành, củng cố và phát huy vai trò các hiệp hội ngành nghề, doanh nghiệp, doanh nhân phục vụ phát triển công nghiệp địa phương.

- Định hướng, hỗ trợ dịch chuyển lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp; xây dựng đội ngũ lao động công nghiệp có ý thức tổ chức kỷ

luật, tay nghề cao, có năng lực tiếp thu, áp dụng công nghệ mới, lao động năng suất cao, chất lượng, hiệu quả.

6. Chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp

- Phát triển hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong phát triển công nghiệp, nhất là hạ tầng kết nối số đảm bảo an toàn, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân dễ dàng, thuận lợi, bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội phát triển nội dung số.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 và Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”.

- Hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh, xác định doanh nghiệp là lực lượng quan trọng và là trung tâm trong phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ. Tăng cường hợp tác trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, mua bán chuyển giao các sản phẩm công nghệ.

- Kiểm soát chặt chẽ công nghệ đối với các ngành công nghiệp, tranh thủ công nghệ tiên tiến, lợi thế của nước đi sau, đi tắt, đón đầu, tận dụng tối đa lợi thế lao động của địa phương và khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có; quản lý chặt chẽ thiết bị công nghệ công nghiệp đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

7. Chính sách khai thác tài nguyên, khoáng sản và chính sách bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản. Chỉ cho phép áp dụng các công nghệ khai thác; chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai thuận lợi, theo cơ chế thị trường và phù hợp với quy hoạch.

- Thực hiện lồng ghép các yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường trong quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển công nghiệp. Ưu tiên, khuyến khích các dự án đầu tư sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường, cương quyết không đánh đổi môi trường với tăng trưởng công nghiệp. Quy định rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cơ sở công nghiệp, tăng cường công tác kiểm tra

giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Khuyến khích phát triển các cơ sở công nghiệp môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.

8. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp

- Nâng cao nhận thức của các cấp uỷ đảng, chính quyền về vai trò và nội dung của chính sách công nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Xác định việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công nghiệp là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của các cấp uỷ đảng, chính quyền. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp. Thực hiện cơ cấu lại hệ thống quản lý công nghiệp, đặc biệt ở cấp huyện, bảo đảm tập trung, thông suốt, hiệu quả, rõ người, rõ trách nhiệm. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành; giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong hoạch định và thực thi chính sách bảo đảm hiệu quả, thống nhất.

- Mở rộng sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đối tượng chịu sự tác động của chính sách vào quá trình hoạch định và giám sát thực thi chính sách công nghiệp. Kiên quyết chống lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí trong xây dựng và thực thi chính sách phát triển công nghiệp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ chỉ đạo, hướng dẫn tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và toàn thể Nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận trong nhận thức và hành động.

2. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch này phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện và chỉ đạo các sở, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch này. Phân công trách nhiệm từng cơ quan, đơn vị gắn

với lộ trình và kết quả thực hiện, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

4. Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh triển khai việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện chính sách phát triển công nghiệp tỉnh.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện Chương trình này.

6. Ban cán sự đảng UBND tỉnh phối hợp với các Ban của Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và tổ chức sơ kết, tổng kết Kế hoạch này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng TW Đảng và T26,
- Các ban của Tỉnh ủy, đảng đoàn, BCS đảng,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, UBMTTQ, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu VPTU_(p).

(B/C)

T/M BAN THƯỜNG VỤ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ỦY ĐÀK LẮK



Phạm Minh Tấn

Phạm Minh Tấn